

# PHẠM VĨNG KINH CỔ TÍCH KÝ

QUYỂN HẠ  
(Phần Đầu)

## PHẨM ĐỨC PHẬT LÔ-XÁ-NA THUYẾT BỒ TÁT TÂM ĐỊA PHÁP MÔN THỨ MƯỜI TRONG KINH PHẠM VĨNG

*Ba tạng Pháp Sư Cưu-ma-la-Mười đời Hậu Tần dịch.*

Bấy giờ, Đức Phật Lô-xá-na cho đến tự tánh thanh tịnh. Trở xuống mười một bài tụng là khuyến tin thứ hai. Niềm tin là gốc để nhập vào pháp, giới là nguồn để trụ pháp, cho nên nói kệ, lại khiến tin giới. Nhưng giới Bồ-tát lược nói có ba môn; môn thọ đắc; môn hộ trì; và môn phạm lỗi. Môn đắc chúng sinh trong sáu đường, chỉ cần hiểu lời nói của Pháp sư. Cần phải phát tâm đại Bồ-đề trước, nghĩa là thệ nhất định chứng được Vô thượng Bồ-đề, cùng tận bờ mé vị lai làm lợi ích am vui cho hữu tình. Như Du-già chép: Tâm Bồ-đề là quyết định mong cầu, để làm hành tướng, Vô thượng Bồ-đề, nghĩa lợi của tất cả hữu tình làm cảnh, phát tâm này rồi có hai thứ thọ; một là một phần thọ, hễ thọ bao nhiêu thì ý cũng ưa thích. Hoặc thọ một giới, hoặc nhiều giới đều được thành tựu giới gọi là Bồ-tát, khác với Thanh Văn phải thọ trì chung, nếu một phần thọ thì không gọi là Tỳ-kheo, nghĩa là hiện đời đắc phải A-la-hán phép tắc viên mãn, lập ra học xứ. Mười giới, giới cụ túc đều phải thọ chung, hoặc phạm hoặc Thánh đều một khuôn phép thọ học, do nghĩa này nên phải chọn người pháp khí, trừ người có già nạn và đường còn lại. Bồ-tát thì không phải như vậy, vì tùy phần giới, nghĩa là phạm phủ chắc chắn không hiện đời thành Phật, nếu trải qua tu vô số đại kiếp, từ chỉ cần hiểu lời nói của Pháp Sư cho đến kim cương, tùy địa vị của họ dần dần tu được đầy đủ. Như thành núi, biển, bụi gạt nước. v.v... làm đầu. Đã đại Bồ-đề thì không có đức nào không nhiếp, muốn thành tựu Bồ-đề thì thiện nào điều chẳng phải nhân, tức là do nghĩa này không chọn đường sinh, chỉ cần hiểu lời nói của Pháp sư, phát tâm đều được. Tuy chỉ cần hiểu lời nói thì thọ được một giới, còn hơn tất cả

công đức của người hai thừa. Công đức của La-hán chỉ vì mình, đối với cõi hữu tình không có phần ân ích còn. Bồ-tát chỉ cần một giới là độ tất cả, không có một chúng sinh nào không có ân gánh vác; hai là thọ toàn phần, nghĩa là ba nhóm giới. Giới Nhiếp luật nghi là dứt tất cả điều ác, ác là tất cả pháp phải dứt bỏ, từ khi mới phát tâm thì dứt sát sinh vv..... Ba hiền mười Thánh dứt nhị chương, cho đến vì pháp của Phật mà xả bỏ sinh tử. Giới nhiếp thiện pháp là từ khi tất cả pháp lành, thiện là tất cả pháp phải tu chứng, từ mới phát tâm, tùy khả năng giáo hóa, độ tất cả chúng sinh tận cùng bờ mé vị lai, chẳng thể các phàm phu đốn thệ tất cả ba nhóm giới, dần dần tu chứng viên mãn. Đã phát hạnh nguyện vô ngại như thế thì đối với các nguyện hạnh là rất vô thương nhất cho. Nên hễ y chỗ sinh ra nào thì, tâm là vua trong đó, nhưng rốt cuộc không thể thành tựu quả ấy, chỉ trừ bậc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Hộ trì thứ hai là sơ lược có mười môn; là môn tùy tâm, tùy tâm ưa trụ vào thói quen đời trước của mình, giống như thế gian tùy theo bản sắc của mình tuy một duyên chứa nước mà có mầu biếc v...v... khác nhau, nên trước vốn là một, dần dần có các hạnh khác. Như Kinh Bản Nghiệp chép: Nếu thọ một giới gọi là nhất phần Bồ-tát, cho đến thọ đủ gọi là cụ phần Bồ-tát. Nhưng ý Phật chế phải dần dần tu học khắp. Do phần thứ hai này mà có môn khắp học, như Du-già nói Thanh Văn tự lợi, còn hộ tâm người, hướng chi Bồ-tát dùng lợi tha làm đầu. Nên phải hộ khắp các giới chề bai. Nhưng Trí Luận chép: Bồ-tát nơi học không thể một đời hay trong một thời gian mà thực hành khắp năm độ, như hộ ba y không thể bố thí vv... Do phần thứ ba này có môn Tùy Tánh. Khi học xử trái nhau hiện ở trước, chỉ hộ tánh giới, bỏ già giới, như Bồ-tát nhiếp Đại thừa thì tánh tội không hiện hành, nên giống với Thanh Văn. Nhưng Du-già chép: vì lợi ích chúng sinh mà khởi ý tham thì không bị tội, sân thì trái với lòng từ, vì thường muốn làm tổn hại người. Do phần thứ năm này mà có thuận thắng môn, vì ưa thuận đại bi nên tội nhẹ, sân là trái với tâm từ nên bị tội nặng. Như Du-già chép: các Bồ-tát ấy phần nhiều có sự sinh khởi phạm tội sân, không sinh khởi tham, cho đến nói rộng.

Lại luận Trí Độ chép: Bồ-tát không khuấy sởi chúng sinh là giới, khác với Thanh Văn cầu niết bàn hiện tại. Dâm dục tuy không làm não chúng sinh, nhưng vì trói buộc tâm nên bị tội nặng. Bồ-tát không cầu niết bàn hiện đời, qua lại sinh tử vì có đủ tư lương. Nhưng luận Du-già chép: Nếu muốn dứt ý ưa thích của chúng sinh kia thì phải phát tâm siêng năng tinh tấn, phiền não hừng hực che lấp tâm Bồ-đề sanh khởi

tức giận.v.v... thì không phạm. Do phần thứ sáu này mà có môn ý lạc, nhờ năng lực ý lạc nên không phạm điều ác. Như Luận Mười Trụ chép: khi tâm bồn sển không cởi mở thì không thể bố thí, đời nay chưa thuần thực thì đời sau nên bố thí. Nhưng kinh cũng chép: Tâm hộ giới như tiếc phao nổi và cởi trói thân người. Do phần thứ bảy này mà có môn bố úy, vì thấy già tội như tánh tội. Nhưng kinh Niết-Bàn chép: thừa hoãn mới gọi là thông thả, giới hoãn không gọi là thông thả, do phần thứ tám này mà có môn Thành Thắng, vì làm lành có thắng lợi lại bỏ. Nhưng Luận Trang Nghiệm chép: Tuy thường ở địa ngục nhưng không chướng ngại đại Bồ-đề. Nếu khởi tâm tự lợi thì (701) chướng ngại đại Bồ-đề. Do phần thứ chín này mà có môn Hộ chướng, tuy có làm lành nhưng vì giữ gìn Tiểu thừa. Như Đại Niết-bàn chép: Nếu các Bồ-tát trải qua Hằng sa kiếp thọ hưởng năm dục vui sướng, đối với giới Bồ-tát vẫn không gọi là phạm. Thuật : Tuy bị tham làm nhiễm ô, nhưng tâm Đại thừa không mất, không phạm vô dư, nên gọi là không phạm. Nhưng kinh Văn-thù Vấn chép : Nếu dùng tâm phân biệt tướng nam nữ hay chẳng phải nam nữ thì Bồ-tát ấy phạm tội Ba-la-di. Do phần thứ mười này mà có môn Rốt Ráo. Nếu chấp pháp tướng chẳng phải rốt ráo, như kinh Đại Bát-nhã chép: Phải dùng bất hộ viên mãn tịnh giới ba-la-mật đa, thì tướng phạm hay không phạm cũng không thật có. Phạm lỗi thứ ba là giới Bồ-tát không phạm vô dư, như có một phần thọ thì có một phần trì, khác với Thanh Văn , khi phạm một giới trọng liền phá tất cả mất tánh Tỳ-kheo. Như kinh Bản Nghiệp chép: Tất cả Bồ-tát, Thánh Phạm giới, đều lấy mất tâm làm thể, cho nên tâm cùng tận thì giới cũng cùng tận, tâm không cùng tận thì giới cũng không tận, tâm là kỳ tâm. Nếu không buông xả giới nguyện vô tận thì sẽ không có điều phạm, vì giới vô biên, nên do đây mà chuyển sinh, giới cũng thường tùy vận vận thêm lớn cho đến thành Phật, giống như nước sông ngày đêm âm thầm trôi đi tự đến biển lớn, chỉ trừ người cố bỏ tâm đại Bồ-đề thì tâm của người ấy đã cùng tận thì giới cũng cùng tận. Nhưng phạm giới trọng, lược có hai thứ một là phá; hai là nhiễm ô. Nếu do phạm phiền não trói buộc phẩm thượng thì tùy theo chi đã phạm mà mất giới luật nghi. Nếu phẩm trung và hạ thì chỉ nhiễm ô, không mất giới. Như luận Du-già chép: Nếu các Bồ-tát hủy phạm bốn pháp Tha thắng xứ, thường hay hiện hành, đều không hổ thẹn vv..., sinh tâm rất ưa thích công đức ấy nên biết gọi là phạm triền phẩm thượng. Chẳng phải các Bồ-tát tạm một lần hiện hành pháp tha thắng xứ, liền xả luật nghi tịnh giới của Bồ-tát, khác với Thanh Văn hễ phạm liền xả. Lại phạm triền phẩm thượng tuy mất tịnh giới, kinh nói

sám hối ngay cũng được thọ lại, khác với giới Thanh Văn như chặt đầu hiện đời không thể nhập lại vào số tăng. Chỉ dẫn rộng trong giáo lý như tông yếu đã giải thích. Lại luận chỉ bàn giải thích tụng hai môn, là sáu bài tụng đầu truyền tụng môn Bản Sư, Thích-ca truyền tụng tựa Bản Sư. Năm bài tụng sau, nửa bài cuối là môn Hiền dương, Đức Thích-ca tự giảng nói tông yếu của giới. Phần đầu cũng có hai thứ, năm bài tụng đầu là nói môn Tôn Thắng, một bài tụng sau khen công năng của giới. Trong phần đầu này cũng có hai, hai bài tụng rưỡi đầu là bán hiện thân môn bản mật, hai bài tụng sau là nói pháp môn bản mật.

Kinh chép: Nay ta là Lô-xá-na, đang ngồi trên đài hoa sen.

Giải thích : Môn hiện thân bản mật lược có bốn lớp, đây là thân tha thọ dụng lần đầu. Theo Truyền thuyết thân này ứng vào địa thứ hai, giới Ba-La-mật là tông chỉ của kinh này, chẳng phải tự thọ dụng. Vì Hoa Nghiêm.v.v... nói thân kia vô biên. Phương là chánh. Đài ngàn cánh là chung thành tịnh độ của Bồ-tát Nhị địa, trên đài này là chỗ ở của thân. Ngàn cánh là chỗ bộ lạc được hóa độ. Như kinh Nhân Vương chép: Bồ-tát Tín nhẫn ở trong cõi nước của trăm, ngàn, muôn đức Phật, hóa hiện ra trăm, ngàn, muôn thân. Kinh Mười Địa chép: Bồ-tát Nhị địa đến ngàn thế giới gặp ngàn Đức Phật nên ở trên đài này chỉ có tòa ngồi của Phật. Trên đài ngàn cánh có thuyết nói tòa, là sai. Quyền thượng chỉ nói Phật Lô-xá-na ngồi trên trăm muôn tòa hoa sen rực rỡ ánh sáng. Đã Giải thích ta ở biển thế giới hai Liên Hoa Tạng, đài ấy có ngàn cánh sen đơm vòng, một cánh sen là một thế giới, ta hóa thành ngàn đức Thích-ca, lại có trăm ức núi Tu-di, biết rõ là cõi. Có người hỏi: Cõi kia đâu hẹp hơn viên quang của đức Di-đà?

Kinh chép: Viên quang của Đức Phật ấy giống như trăm ức thế giới Ba Thiên Đại Thiên. Câu hỏi này không đúng, viên quang của Phật không nhất định, ánh sáng của Đức Thích-ca cũng soi sáng vô lượng cõi, có lẽ đã nói đúng, nhưng so sánh về mặt rộng lớn chưa chắc gì lượng đồng nhau, như mắt dụ cho biển. Nên biết trăm muôn hoa sen làm tòa, vì sao Chư Phật dùng hoa sen làm tòa? Vì nói lên chư Phật tuy ở đời nhưng không Ô nhiễm như hoa sen không dính nước.

Kinh chép: Trên ngàn cánh sen đơm vòng, lại hiện ra ngàn Đức Thích-ca.

Giải thích là: Hóa thân tịnh độ thứ hai, theo truyền thuyết: Nơi ứng thân này với căn cơ Địa Tiên. Có người nói: chỉ có bốn gốc lành mới được sinh về tịnh độ, theo lý thì chưa chắc đúng. Kinh Tịnh Độ nói cõi khác cũng sinh, tịnh uế cùng một chỗ, tùy nghiệp mà thấy khác

nhau, giống như bốn thức, v..v... việc và tâm khác nhau. Như nói Thu Tử thấy núi, sông, Phạm Vương Loa Kế trở lại cõi báu.

Kinh chép: Mỗi cánh hoa trăm ức cõi. Mỗi cõi một Phật Thích-ca.

Giải thích là: Hóa thân cõi uế thứ ba. Nói mỗi cõi nước một núi Tu-di, vì thế giới chỉ hiện ở Nam Châu phía. Chép Du-già luận chép: một Đại thiên có trăm câu-chi cõi. Luận Tạp Tập chép: Một câu chi tính tương đương với trăm ức, vì sao trong đây chỉ nói có trăm ức? Ưc có nhiều loại, Du-già lại dựa vào mười muôn làm một ức, kinh này là ngàn muôn nên không trái nhau. Ở đây y theo tướng thô lại nói một loại thế giới Tu-di, y theo sự nghiêng và đổ của bóng cây thật và bóng người thật, đều tùy theo loại ấy mà đây khắp các phương, loại khác vô ngại, như mảnh lưới Nhân-đà-la lớp lớp vô tận, nhưng đều nhiếp vào biển thế giới Liên Hoa Đài Tạng, đều là nơi xoay bánh xe pháp của Phật Lô-xá-na.

Kinh chép: Đều ngồi dưới cội Bồ-đề, cho đến bản thân Phật Lô-xá-na.

Giải thích: Thứ tư nêu cõi tịnh uế, căn cơ đốn ngộ thuần thực, nhất thời trùng hóa, gom ngọn về gốc, như quyển thượng chép: Phật trên ngàn cánh hoa là hóa thân của ta. Ngàn trăm ức Thích-ca là hóa thân của ngàn Đức Thích-ca.

Kinh chép: Ngàn trăm ức Thích-ca cho đến mười triệu, bốn mươi tám giới khinh.

Giải thích: Thứ hai là nói pháp gốc ngọn. Thân Phật Lô-xá-na tuy chẳng phải cảnh phàm, năng lực che chở vì tiếp chúng mà đến, đã xuyên suốt ba đời thì không tùy thời thích hợp mà chế, nên nói ta tụng mà không có lời vị ngon. Trên hết trong các vị gọi là cam lộ, nên dụ trong lạc là tối cực niết-bàn. Ta là người đã ra khỏi môn khổ chứng an vui, nên nói nghe tụng khai mở môn cam lộ.

Hoặc nói giới kinh gọi là môn, giới sở thuyên gọi là cam lộ, giáo có công năng khai mở lý, ra khỏi cửa ba cõi, đối cơ mà hiển bày đó là khai. tâm phàm dễ kiệt, ảnh đẹp khó giữ, nên trở về đạo tràng của mình tụng giới của Bản sư. Bản sư ở đây nghĩa là bản thân, hoặc giới pháp gọi là Bản sư, vì Phật là bậc thầy.

Kinh chép: Giới như trời trưa sáng, do đây hành Chánh giác.

Giải thích: Đây là môn khen ngợi, oai lực của giới, thứ hai là Giới phá tối tăm, giống như mặt, trời mặt trăng. Trang nghiêm hành giả như châu anh lạc. Như kinh Di giáo chép: Mặc chiếc áo hổ thẹn đối với các

thứ trang nghiêm rất là bậc nhất. Hoặc nói tánh giới sáng như vầng nhật nguyệt, giáo giới trang nghiêm như chuỗi anh lạc, phá tánh tội tối tăm, trang nghiêm tánh giới. Đầu muôn hạnh lấy giới làm gốc, cuối muôn hạnh lấy Bồ-đề làm quả. Vì thế ba đời đều do giới mà được thành Phật, vì ba nhóm như ứng thành ba đức. Như Du-già chép: chỗ nhóm họp phước trí tư lương như thế, không có quả khác để nhiếp chung tướng, chỉ trừ bậc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Kinh chép: Lô-xá-na tụng cho đến chuyển trao cho các chúng sinh.

Giải thích: Từ mặt chủ môn hiển dương dưới đây, ở đây có bốn môn, một là môn lần lượt khai hoá, hai là môn sở thành giới tướng, ba là môn năng thọ hữu tình, bốn là môn khai hứa nói rộng. Đây là môn thứ nhất là sáu bài tụng trên, Bản sư tụng ra, như ta truyền tụng, các ông cũng phải vậy, giới thủ nối giống Phật giống phật không bị đứt.

Kinh chép: Từ chỗ lắng nghe ta đang tụng cho đến giới phẩm đã đầy đủ.

Giải thích : Môn thứ hai, tất cả cấm giới mà Đức Thế tôn đã chế, bậc thượng thừa hay hạ thừa đều từ giới cấm này mà ra. Nên nói giới tạng trong Phật pháp, vì phân biệt với định đạo giới nên nói Ba-la-đề-mộc-xoa, tiếng Phạm là Ba-la-đề, Hán dịch là biệt nói đủ lẽ ra là Tỳ-Mộc-Xoa, Hán dịch là biệt giải thoát vì riêng thoát khỏi lỗi lầm, nên gọi là biệt giải thoát. Lại kinh Di Giáo chép: Giới là gốc thuận giải thoát, nên gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa. Hoặc thọ giới Bồ-tát là do giới này nên ta sẽ thành Phật. Như Đức Thích-ca do giới này đã thành, lại không khởi tâm bất đồng phạm khác. Bấy giờ, gọi là giới phẩm đầy đủ, vì khéo nhớ phần giới hạn gọi là Giới. Như kinh Bản Nghiệp chép: Tất cả giới của Bồ-tát, phàm Thánh đều lấy tận tâm làm thể, tâm ấy nếu cùng tận thì giới cũng cùng tận, vì tâm không cùng tận, nên giới cũng không cùng tận. Tâm ở đây là tâm Đại thừa, người lui sụt Đại thừa và người chưa phát tâm không thể đạt được.

Kinh chép: Tất cả người có tâm cho đến thật là đệ tử Phật.

Giải thích rằng : Đây là Môn thứ ba, ứng là cho phép, vì có chướng vô tánh nên không thành giới, giới này rất cao quý, Thanh Văn đâu dễ dàng đạt được, thì ai nói dễ được? Vì khó phát tâm nên Vô thượng Bồ-đề không có đức nào không nhiếp, chỗ phát tâm tu không có điều lành nào không phải nhân, nên hữu tâm là được phát tâm Đại thừa, tất cả nguyện hạnh đều thành tánh của nhân, liền bước vào quả vị Phật. Quả vị Phật có hai, một là phát tâm mãn vị, nay bước vào sơ phát nguyện,

lần đầu phát nguyện đều cùng khắp, không khác nguyện của Phật. Nói đồng bậc Đại giác, như Khế kinh có chép: Phát tâm xét cho cùng cả hai không khác, đã được quả vị này rồi thì chân thật là Phật tử, từ Phật pháp sinh ra, kế thừa ngôi vị Phật. Tụng rằng: Cha phương tiện là lòng tin, mẹ Bát-nhã là thai thiền, từ bi là mẹ nuôi, Phật tử nối ngôi Phật. Nói rộng nghĩa này trong luận Nhiếp Đại Thừa có.

Kinh chép: đại chúng đều cung kính dốc lòng nghe ta tụng, môn thứ tư như trong văn, nói xem rất dễ hiểu.

Kinh chép: Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni cho, đến tất cả giới Đại thừa của Phật.

Giải thích: Từ bài tựa kết giới thứ ba vv... trở xuống có hai, phần tựa của các kinh là tựa của các kinh. Phần sau là tựa của Đức Thế tôn. Đây là phần đầu, nói lúc bấy giờ là từ cõi trời đến khi ứng hiện. Thích-ca, Hán dịch là “Năng”, Mâu-ni là “Tịch”. Cây Bồ-đề ở nước Na-già-đà, dưới gốc cây này có đài Kim cương? Đức Phật ngồi dưới gốc cây này chứng Chánh Đẳng Giác, gọi là cây Bồ-đề. Sao gọi là sơ đốn kết? Vì muôn hạnh của Ba thừa từ đây sinh ra, ba đời quyết định không đọa phạm. Khác với Thanh Văn tùy thời dần chế. Như kinh Văn-thù Vấn và kinh Niết-bàn chép: Nếu Chế giới trước thì, thế gian sinh nghi ngờ, như vá áo phải vá vào chỗ rách. Nay giới Bồ-tát thì không phải như vậy, nên vừa mới thành Phật thì đã kết giới này. Theo luận Mười Địa, mới thành đạo được bảy ngày đầu thì Phật tự thọ pháp lạc, bảy ngày thứ hai mới bắt đầu nói năng. Nay Giải thích, đầu tiên kết giới đúng mười bốn ngày sau khi thành đạo. Hiếu là nuôi dưỡng, thuận là cung kính. Biết ân báo ân tức là hiếu đạo. Ân có hai loại: một là ân sinh ra thân ta, đó là cha mẹ; Hai là ân nuôi lớn pháp thân, tức là sư tăng, v.v..., dùng tài và pháp đúng như pháp cung kính cúng dường. Trong đây Sư Tăng, Ba Bảo, chí đạo như sở y, sở duyên, lần lượt trợ giúp, cho nên nêu riêng. Hiếu gọi là giới, cũng gọi là ngăn ngừa, hiếu là gốc của trăm hạnh, là yếu đạo của các bậc Pháp Vương thuở trước. Giới là nền tảng của muôn điều lành, là bản nguyên của Chư Phật, các điều lành từ đây sinh ra. Hiếu gọi là giới điều ác từ đây mà dứt cũng gọi là ngăn chặn, cho nên hiếu và giới có tên gọi khác nhưng nghĩa thì giống nhau. Nói thì miệng phát ra ánh sáng, v.v... là phát ra ánh sáng để với lấy chúng, phát ra vô lượng ánh sáng mà với lấy các hữu tình có duyên, nói môn vô ngại soi sáng đêm dài tăm tối. Nói Đại giới là giới Đại thừa, là vì trong đây không có chúng Thanh Văn.

Kinh chép: Phật dạy các Bồ-tát cho đến chẳng phải không có lý



do.

Giải thích rằng : Từ tựa Phật vv... trở xuống như thứ lớp thành tướng Ba luân là pháp, thầy và đệ tử. Sư có hai loại, một là bản nghĩa là Phật, hai là mặt là Bồ-tát. Nên nói nay ta tụng các thầy cũng nên tụng. Nửa tháng tụng là tuy thầy đã qua đời mà nương vào pháp mà trụ. Thêm thì dễ lùi, bớt thì khó tiến, vì không lui sụt giới, tiến tu định tuệ, cho nên đúng nửa tháng không thêm không bớt. Như kinh Di giáo chép: Ba-la-đề-mộc-xoa là thầy các ông, nếu ta còn trụ ở đời thì cũng không khác gì giới này. Nói phát tâm là giai vị Mười tín, hành thật có lui sụt chẳng phải chánh vị của bậc Ba Hiền. Mười phát thú là Mười trụ, vì Sơ quả của Ba Hiền Mười trưởng dưỡng là Mười hạnh, vì nuôi lớn mầm Thánh. Mười Kim cương là Mười hồi hướng vì nhiếp năm lực, kinh Bản nghiệp quyển hạ đều là Địa tiên. Giới có công năng chiếu phá những nơi đen tối, lấy ánh sáng làm điểm lành, thường tụng trì từ miệng mà ra nên nói có lý do, chẳng phải không có mà nói ra.

Kinh chép: Ánh sáng ấy chẳng phải màu xanh, vàng, v.v.... cho đến nên đọc tụng khéo học. Giải thích : Pháp thứ hai này, ở đây ánh sáng gọi là các giới, từ ví dụ điều lành mà có tên gọi. Giới tuy gọi là sắc nhưng không hiện hình, vì dựa vào suy nghĩ khéo giới hạn mà lập, vì không phải chất ngại nên không phải sắc, không duyên lự nên chẳng phải tâm, không lia duyên nên chẳng phải có, không tức duyên nên chẳng phải không, vì phi hữu nên chẳng phải pháp nhân quả, vì phi vô nên là bản nguyên của Chư Phật, vì bản nguyên của Chư Phật nên là căn bản của Bồ-tát, vì làm căn bản của nhân quả, do đó chúng đương thời cũng là căn bản, cho nên Phật tử thọ trước sau trì tụng nghĩa vẫn học.

Kinh chép: Từ Phật tử lắng nghe, cho đến người thanh tịnh bậc nhất.

Giải thích rằng : Đây là đệ tử được che chở thứ ba, nói Tỳ-kheo là trước thọ giới Thanh Văn , có thuyết cho rằng: khi hồi tâm thọ giới thì chuyển thành giới Bồ-tát là sai. Thuyết kia dựa vào hạt giống của thừa riêng mà lập, nhưng giới Tiểu thừa trước có năng lực của Đại thừa trợ giúp. Bồ-tát nương tâm, hạt giống khác sinh, ở nơi ấy nhóm họp hạt giống riêng mà lên vô biểu. Mười tám Phạm là các vị trời cõi sắc, nghĩa là ba tinh lự, mỗi tinh lự đều có ba tầng trời, tầng thứ tư có chín, vì vô tướng trước sau đều có tâm. Kinh Thiện Giới chép: Nếu phát tâm Bồ-đề trước thì mới được thọ giới Bồ-tát, vì sao cõi trời Tịnh cư cũng được thọ giới? có thuyết cho rằng: Mười tám là nói số chung nhưng có ý khác,



như một Tỳ-kheo gọi là lục quần. Có thuyết cho rằng: Trừ cõi vô Tướng và Tịnh cư, mười tám cõi phạm riêng. Như kinh Bản Nghiệp chép: Ba tinh lự, dưới mỗi tinh lự đều có bốn tầng trời, tinh lự thứ tư có sáu tầng, có thuyết lại nói: Theo sự thật thì cũng có vị thành Phật, nhưng luận duy thức thành chung cõi sắc có hồi tâm. Đã nói chưa thành lập giáo lý của Thanh Văn hồi hướng Bồ-đề. Giải thích nếu dựa vào Bát-nhã mà không phát tâm Đại thừa thì năm tầng trời Tịnh cư không có người hồi tâm không, nói liễu nghĩa cũng không hồi tâm, trong đó lại theo thọ giới bất cộng, cho phép huỳnh môn, v.v... cũng thọ đắc giới. Nếu bảy chúng thọ khắp học hạnh khác nên biết già nạn giống như Thanh Văn thọ. Có người hỏi: Nếu huỳnh môn, v.v... cũng được thọ giới, tại sao kinh chép . Nếu nói không thọ giới Ưu-Bà-tắc, giới sa-di, giới Tỳ-kheo mà được thọ giới Bồ-tát thì không có việc ấy. Thí như nhà có nhiều tầng lầu, không nhờ tầng thứ hai, không nhờ tầng trệt mà có tầng lầu trệt thì làm sao có tầng thứ hai thì, việc ấy là không thể có, người kia tự Giải thích : Chắc chắn là do luật nghi mà được, vì bất cộng với hai giới Bồ-tát cho nên nói như thế, chưa hẳn Bồ-tát phát tâm Tiểu thừa trước. Đều gọi là người thanh tịnh bậc nhất, như nói vượt hơn các bậc La-hán. Vì sao? Vì như kinh Niết-bàn chép: Gốc lành của hai thừa giống như lửa đom đóm, chỉ chiếu sáng thân mình, còn gốc lành của Đại thừa, giống như ánh sáng mặt trời, soi sáng khắp tất cả.

Kinh chép: Từ Phật bảo các Phật tử cho đến ta cũng tụng như thế.

Giải thích: Đây là Phần chánh thuyết thứ hai, gồm có hai phần phần đầu là nặng, phần sau là nhẹ. Trong phần đầu có ba là nêu chung, tụng riêng và kết thành. Trong phần nêu chung có hai là nêu số chế trì và chỉ bày tướng khuyến học. Phần đầu này, Du-già chia làm bốn như tông yếu giải thích. Nếu kinh Thiện Sinh dựa vào chúng tại gia, chỉ nói sáu giới trọng đầu là vì thô hiển bày, theo kinh Thiện Giới thì Bồ-tát xuất gia có tám giới trọng. Tức là trong mười giới này bốn giới đầu và bốn giới sau, cộng và bất cộng căn bản là nặng . Kinh Bản Nghiệp này lập tất cả mười giới trọng, vì nhiếp chung. Tụng rằng: Bốn thân, ba ngữ, ý cũng có ba, vì tham bốn, sân hai, si một. Ba ngữ do ba mà được rất ráo.

Dâm sân tà kiến cũng là phi tình.

Trong mười giới này, giới thứ tư thân nghiệp thể là. Trí luận quyển mười ba chép: Giới không uống rượu và ba giới trước đều có giới là thân, giới thứ tư, thứ sáu, thứ bảy là ngữ nghiệp thì, ba giới còn lại nói

tùy theo tướng là vì giới thứ sáu và thứ bảy. Nhưng có nghiệp đạo chẳng phải Tha thắng xứ, đó là nhiễm ca hát, v.v... là thuộc về ý ngữ, mỗi giới trọng này đều lấy tham sân si làm phương tiện, dâm dật, bán rượu, bỏn sển do tham rất ráo, và, sân là do sân, tà kiến do si, ba giới còn lại cũng do ba độc tham sân si, đối với danh lợi của người do ganh ghét mà khen chê, vì sân rất ráo. Dâm sân tà kiến có lẽ từ phi tình. Dâm với thầy chết chưa hoại là loại phi tình, ngoài ra chỉ có hữu tình mới kết tội nặng, tuy trộm của phi tình nhưng kiết bên chủ: Lại tụng rằng:

*Đều mình đối người mà hành dâm  
Người đối với người cũng như vậy  
Mình đối với mình có năm thứ  
Người đối với mình chỉ có dâm  
Mình đối với người gây tất cả*

Người hưởng về người cũng đủ mười.

Nghĩa là xúi giục người hưởng về người mà làm việc dâm, mình đối với mình gây ra. Theo truyền thuyết có năm thứ là sát, dâm, sển, sân và tà kiến, nghĩa là xả lợi tha, tự chết là tội. Luật chép ; yếu phía sau tự dâm phía trước. Kinh Thiện Sinh chép. Tự thí không thành thí, tự bỏn sển liền thành bỏn sển, ở chỗ tự khởi tức giận chê bai lý tánh, v.v... đều tự phạm. Người đối với mình làm việc dâm không khác, bị cướp làm ô nhục, thuận theo sinh ái nhiễm cũng phạm, và có người phạm tội, mình cũng không làm, cũng không xúi giục người làm “Hữu” là tùy hỷ, lại có người không khởi nghiệp thân miệng ý bị tội phạm giới. “Hữu” nghĩa là không làm việc đáng làm, v.v... các câu hỏi đáp này rộng như môn tông yếu trì phạm có giải thích, đã nói xong nghĩa phụ, nên giải thích bản văn. Mười giới trọng như thế thọ mà không tụng tức là mê trì phạm mất hạnh Bồ-tát, đã chẳng phải Bồ-tát, làm sao thành hạt giống Phật? Ta đã được quả vị viên mãn còn tụng giới này, hướng chi tâm học các thầy là ý ở đây.

Kinh chép: Tất cả Bồ-tát cho đến hết lòng cung kính vâng giữ.

Giải thích: Đây là Môn hỉ bày tướng khuyến trì. Kinh Niết-bàn chép: Trong giới Thanh Văn , Đức Phật biết thời thích hợp nói nhẹ là nặng, nói nặng là nhẹ. Luận Đại Trí chép: Tỳ-ni đều vì thế tục mà nhiếp ý, bất luận là thật tướng, là vì giữ gìn Phật pháp, không quán xét đời sau tội nhiều hay ít. Lại trong giới đời sau bị tội nặng liền nhẹ, như đạo nhân giết trâu dê, v.v..., trong giới khen ngợi người nữ tội nặng đời sau tội nhẹ, cho đến nói rộng, Bồ-tát cũng như vậy. Thật nặng nói nặng, lý nhẹ nói nhẹ, pháp tánh thường như vậy xuyên suốt ba đời, ấy gọi là

tướng giải thoát riêng của Bồ-tát, muốn đạt được đại quả nên hết lòng cung kính vâng giữ. Như kinh Di giáo chép: nếu siêng năng tinh tấn thì việc không khó, thí như khe nước nhỏ thường chảy xuyên qua đá, vô vi là không khi chết rồi sẽ có hối hận, thì như người thầy thuốc biết bệnh cho thuốc, uống hay không uống chẳng phải lỗi của thầy thuốc.

***Giới thứ nhất: tha hồ sát sinh.***

Kinh chép: Nếu Phật tử hoặc tự mình giết, cho đến tội Ba-la-di của Bồ-tát.

Giải thích rằng : Đây là Tụng riêng thứ hai, mười giới đầu mỗi giới đều có hai môn thuyết, một là nói lên ý chế giới, hai là giải thích văn kinh, đầu tiên là ý chế giới, điều mà thế gian thì sợ khổ chết là bậc nhất. Trong sự tổn hại người, không gì hơn cắt đứt mạng sống của họ. Như trí luận chép: Nếu của báu đây cả thế giới mà không có thân mạng, cho nên Bồ-tát lấy việc cứu giúp sinh làm tâm, mà thí rất sợ hãi thì liền mất tánh ấy. Như Du-già chép: Nếu có người hỏi Bồ-tát lấy gì làm thể, nên đáp rằng lấy đại bi làm thể. Do đó nên đầu tiên chế giới này, giống như Thanh Văn thoát khổ là trước nên. Đầu tiên chế dục tham là giới nặng, hai là giải thích văn, kinh chép có bốn môn, một là tướng trái phạm tướng, hai là môn trái môn phạm tánh ; ba là môn Cảnh giới sự, bốn là môn kết thành tội.

Tướng trái phạm là, như kinh chép nếu tự mình giết cho đến dùng bùa chú giết: đây là tướng trái phạm khác nhau. Tánh trái phạm là như kinh chép nghiệp giết cho đến duyên giết, là đủ năm chi thì sẽ thành phạm. Trong đây nghiệp giết tức là rất ráo, cách thức giết là phương tiện, nhân giết là ý thích và phiền não, duyên giết là sự việc. Theo đây có người nói, không thành nghiệp đạo thì không phạm nặng . Như Du-già nói: Nếu Bồ-tát thấy dục là tội nặng , khởi tâm suy nghĩ: nếu tà mạng cắt đứt sinh mệnh của những kẻ ác kia thì phải đọa địa ngục, nếu không tà mạng cắt đứt sinh mệnh họ thì khi tội ác đã thành nghiệp thì họ sẽ chịu khổ lớn, ta tà giết kẻ kia mà đọa vào địa ngục, chứ không thể để cho họ phải bị khổ Vô Gián . Như thế đối với kẻ ác kia dùng tâm lạnh hoặc tâm vô ký, biết việc này rồi, vì tương lai nên rất sinh tâm hổ thẹn, dùng tâm thương xót mà cắt đứt mạng kia. Do nhân duyên này, đối với Bồ-tát không trái phạm mà còn sinh nhiều công đức. Ở đây vì không có phiền não nên không phạm, vì ý ưa thích pháp lành nên sinh ra nhiều công đức. Nay giải thích không phải như vậy, không thành nghiệp đạo cũng thành phạm, như các loài có mạng sống đều là phạm

nặng , dù tưởng điên đảo nhưng cũng phạm nặng , hướng chi tùy phần giới, tùy địa vị mà chế khác nhau. Như kinh Văn-thù vấn giảng giới này rằng: Nếu thọ giới Bồ-tát xuất thế gian mà không khởi tâm từ bi thì Bồ-tát ấy phạm tội Ba-la-di. Đối với các chỗ phạm, luận trừ ba người, đó là người có tâm cuồng loạn, trọng khổ và không giới. Truyền thuyết cũng nên trừ người không nhớ nghĩ và người có thắng lợi, chuyển sinh đời khác không thể nhớ, tuy là không phạm, các chỗ thắng lợi tất cả không phạm. Nói môn Cảnh giới sự, như kinh chép cho đến tất cả loài có mạng sống đều không được cố giết hại. Trong giới Thanh Văn chỉ nói tội giết người. Nay vì phân biệt chọn cõi nên nói cho đến, kia tùy việc mà phạm nặng , nay y theo lý mà chế giới. Như kinh Niết-bàn chép: Phật dạy vua A-Xà-thế rằng: Nay Đại Vương! Trong cung của Ngài thường ra lệnh mổ dê, tâm không hề sợ, vì sao đối với tội giết cha lại sinh tâm sợ hãi, tuy là thú và người tôn ty có khác nhau, nhưng mạng sống quý giá cả hai đều không khác, nếu kia tuổi thọ đã hết giết trong khoảnh khắc vì sao phạm tội? Kinh Văn-thù Vấn nói phạm đồng tội, vì thêm đủ duyên khổ cho chúng sinh kia. Rộng như kinh ấy có nói, trái lời Phật dạy, tội nặng nhẹ tuy giống nhau nhưng tùy theo tâm cảnh, v.v... mà nghiệp có nặng nhẹ. Như luận có nói rộng. Hỏi: Từ phẩm thế lực phiền não lẽ ra bình đẳng, vì sao kinh Thiệng Sinh nói tham sát sinh tội nhẹ, sân, si tội nặng ?

Đáp: Thô tế tuy bình đẳng ngưng sa trái phạm có khác, trái với chánh lý xuất ly của Đại thừa, như thứ lớp tham, v.v... là nặng .

Kinh chép: y theo thông nhau thì si là nặng . Kết thành tội là như kinh chép Bồ-tát này cho đến tội Ba-la-di, vì đối với chánh hạnh lại kết tội. Thường sống trong tâm từ bi là đối với chúng sinh khởi tâm thương xót, pháp hữu tình hệ thuộc chủng tánh như vậy, loại thuộc về ta do ta mà mất. Tâm hiếu thuận là tâm hổ thẹn phẩm thượng duyên thắng, các Bồ-tát là độ, vì đối với ta trong vô lượng kiếp chịu nhiều khổ hạnh. Bồ-tát nên sinh hai tâm như thế, mà trái lại tha hồ giết hại chúng sinh thì phạm tội nặng .

Luật chép: Thanh Văn , là người nghĩ là người mà giết, phạm tội Ba-la-di, chẳng phải người nghĩ là người chỉ phạm trâu-lan-giá. Bồ-tát thì không phải như vậy, chỉ đối với loài có mạng sống mà cố ý giết hại thì phạm tội Ba-la-di. Ba-la-di, Hán dịch là Tha Thắng xứ, tốt mình xấu người, pháp ác đã vượt trội. Giới là trì phạm sở y gọi là xứ, văn này lược ý, nghĩa là tướng kia khác nhau trong phạm thì đủ năm duyên là phạm, trái với chánh thì bị tội, các giới khác văn y theo đây mà giải thích,

trong đây các giới y chủ đặt tên.

## **2. Giới trộm cướp. Tạo vật của người**

Kinh chép: Nếu Phật tử tự mình trộm cướp, cho đến Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di của Bồ-tát.

Giải thích rằng : Trong đây ý thứ nhất là bố thí nhiếp sáu độ rộng cứu giúp chúng sinh, trộm làm hoại đàn hai lợi đều mất. Kẻ xấu ở thế gian gọi là kẻ trộm, như thuận theo chương đạo rộng khắp vờ lấy quả khổ, thà phải bỏ thân mạng để tránh lỗi này. Vì sao ít của cải tự nhục hai đời? Vì tổn y báo chánh báo cho nên chế, thứ hai là giải thích văn, trong đó có bốn; phần đầu như kinh chép tự mình trộm cướp cho đến phương tiện trộm, cố khen ngợi tuy hỷ, lược qua không nói đến, theo lý lẽ ra phải có, môn thứ hai như trước nên biết. Môn thế gian này, như giới xuất thế. Kinh Văn-thù vấn chép: Nếu đối với vật của người tâm khởi tưởng trộm cướp phạm tội Ba-la-di. Cảnh giới sự môn như kinh chép: Cho đến quý thần, cho đến không được trộm cướp. Trong đây xếp vào tội nặng , nên nói cho đến, nhưng vật có chủ lược có năm thứ một là vật của Ba bảo; hai là vật thuộc về người; ba là vật của súc sinh, bốn là vật của quý thần; năm là vật của bọn cướp, vật ấy có chủ nói nhiếp trước sau. Luật Tăng-kỳ chép: vị Tri sự dùng lẫn lộn vật của Ba Bảo, Phật dạy phạm tội Ba-la-di. Kinh Bảo Lương chép: Hai vật của Phật và pháp không được dùng lẫn lộn, đối với vật của Phật pháp không có chủ, còn không thể bạch, không đồng với vật của tăng, vật chiêu đề thường trụ có dùng lẫn lộn. Việc kinh doanh Tỳ-kheo và tăng được dùng. Nếu dùng vật của tăng để sửa sang tháp Phật, nếu Tăng bất hoà thì khuyên người thế tục sửa chữa. Nếu y theo văn này. Luật Tăng-kỳ ở trước y theo tăng bất hoà đều nói là phạm nặng , dùng lẫn lộn còn như vậy huống chi có tâm trộm lấy. Nếu vậy vì sao kinh Niết-bàn chép: Trộm vật của Phật hoặc biết hay không biết đều phạm tội Thâu-lan-già, vì Phật đối với vật vô ngã sở nên không bị ão hại, Theo truyền thuyết đất Hán không có thủ hộ, kinh nói Thâu-lan, nếu có thủ hộ, dùng lẫn lộn còn phạm nặng , huống chi trộm lấy làm sao là tội nhẹ được. Nên kinh Thiện Sinh nói trông hộ người tội nặng. Nhưng kinh Niết-bàn nói là giới Tiểu thừa, Bồ-tát thì khác, chỉ cần vật có chủ đều phạm nặng , hễ vật của Ba Bảo thì khó trông coi, chế cho phép trì phạm thì khó giữ gìn được. Như kinh Đại Tập chép: Phật cho phép hai người, một là A-la-hán; hai là Tu-Đà-hoàn. Lại có hai người, một là bậc người giữ người hiểu biết, hai là người sợ tội hổ thẹn. Nhưng giới Bồ-tát cũng dùng vật

của Phật, Như Du-già chép: Bồ-tát trước đối với chỗ chứa đồ vật có làm tác tịnh nên dùng tịnh ý lạc xả cho chư Phật và Bồ-tát ở mười phương, thấy người đến xin không đúng đạo lý thì nói đây là vật xấu của người sẽ vất bỏ. Nếu đúng với chánh lý phải nghĩ rằng: Chư Phật và Bồ-tát không có vật nhỏ nào mà không bố thí cho chúng sinh, nghĩ đoạn liên vật tịnh thí, bố thí cho người đến xin, khiến sở nguyện của họ được đầy đủ. Do các giáo này, Hòa Thượng Giải thích : phép tắc tuy giống như luật Tiểu thừa đã nói, nhưng nếu sát sinh mà có lợi thì nên làm, Chư Phật xuất hiện đều vì làm cho hưng thịnh chánh pháp, ý làm cho pháp hưng thịnh đều vì chúng sinh, hưng pháp lợi sinh chỗ nào mà không cần, trừ có tâm nhiễm và không thắng lợi. Nhưng giới Tiểu thừa không được dùng lẫn lộn, tuy Phật tức pháp, nhưng trái với ý bố thí; Luật Tứ phần chép: cúng dường lên tháp Phật thức ăn, người sửa tháp được ăn. Luật Ngũ Phần chép: Nếu người tại gia vào chùa, tăng không cho ăn liền sanh tâm chê bai, Phật dạy nên cho, Lại, luật Tăng-kỳ chép: Hoặc tổn hại, hoặc lợi ích cũng phải cho. Luật Mười Tụng chép: cung cấp cho vua, quan, giặc. Tiểu thừa hẹp nhỏ còn thấy tổn ích, hưởng chi là Đại thừa không thể nhất định.

Hỏi: Luật Mười Tụng chép: Trộm xá-lợi Phật tịnh tâm cúng dường tự, nghĩ: ở chỗ kia cũng là thầy, ở chỗ mình cũng là thầy, ý nghĩ như thế thì không phạm, nếu trộm để bán thì phạm tội, vì sao trong pháp luật trộm kết tội nặng , trong khi pháp cũng là thầy? Đáp: Đức Phật được, mọi loài cung kính, pháp đúng mới sinh hiểu biết. Nhưng giới Bồ-tát biết kia không cần, tịnh tâm trộm học, lẽ ra không phạm, biết chương gốc lành của người kia nên trộm của Phật cũng kết tội nặng .

Hỏi: Du-già Câu-Xá chép: cướp đoạt vật của Tăng, đồng loại với phá tăng, vì sao kinh Đại tập nói trộm vật của tăng nặng hơn năm tội nghịch? Kinh phương Đăng chép: Người phạm bốn tội nặng và năm tội nghịch ta còn cứu được, nhưng trộm vật của tăng thì ta không cứu nổi?

Đáp: Mỗi trường hợp đều khác nhau, phá tăng là tạm thời, lại hiện tiền tăng, trộm tài vật hoà hợp đều chương đạo trong ba đời, thường trụ tăng, vì chương Thánh chẳng phải bà con nên gọi là đồng loại. Nói vật của bọn cướp là vật thuộc về kẻ cướp ấy, trong luật không cho phép đoạt lấy. Như luật chép : chẳng khác gì kẻ trộm giữ lại vật của kẻ trộm. Luật Ngũ phần chép. Có Tỳ-kheo bị kẻ trộm trấn lột, giành được y vật, nhưng nghi ngờ đến hỏi Phật, Phật nói không phạm. Bồ-tát không phải như vậy, như Du-già chép: Bồ-tát thấy có vị tể quan bạo ác tăng thượng phẩm thượng, đối với các hữu tình làm cho khổ não không có



tâm thương xót khởi tâm thương xót phước vị tăng thượng, thấy giặc trộm cướp chiếm đoạt tài vật của người, hoặc vật của tăng-già, vật của tháp lấy làm của mình, lợi lạc ý lạc tùy sức quệt lấy, chớ để cho họ thọ dụng, phải chịu đau khổ trong sinh tử, của cải đã cướp đoạt được đều phải trả về chỗ cũ, cho đến rộng nói, Bồ-tát tuy không cho lấy như thế nhưng không phạm mà còn được nhiều công đức. Như Luật Ngũ Phần chép: Giành y Tỳ-kheo, hoặc giới Bồ-tát do tội bòn sên của cải, hoặc hộ người tội kia được nhiều công đức, đã nói như thế, nếu vật có chủ đối với tâm lấy không có lợi ích. Cho đến một cọng cỏ cũng phạm Ba-la-di. Nếu đối với vật của mình hoặc vật không có chủ, hoặc đối với vật có chủ, không biết cho là vô chủ, hoặc tuy có chủ nhưng không có tâm trộm, vì không thành trộm nên đối với vật của mình, cho là của người mà trộm, hoặc vật không chủ cho là vật có chủ. Theo truyền thuyết, y cứ theo tâm, kết phương tiện trọng, vật kia chẳng phải cảnh phạm tội nặng. Nếu vật có chủ vì không biết nên cho là vô chủ, sau đó biết nhưng không trả lại, hoặc đối với vật của người cho là vật của chẳng phải người, hoặc tìm vật khác thế vật của người, đều kết tội nặng, vì là phạm cảnh. Vì sao nói là vật không chủ? Như vật của người đã bỏ, v.v...

Luận Thiện Kiến chép: con làm việc ác nên cha mẹ đuổi đi, sau đó cha mẹ chết của cải của họ không có chủ. Luận Bà sa, v.v... chép “giấu giữa hai nước”. Nếu vậy thì dân chúng lấy vật ở núi rừng, v.v... lẽ ra là trộm vật của vua, thì không đúng, vì nhà vua muốn để dành vật kia. Trong pháp Thanh Văn trộm năm tiền mới kết tội nặng, nay muốn phân biệt khác nên nói một cây kim, một cọng cỏ, ý nói Bồ-tát vv... trở xuống là môn thứ tư. Hiếu thuận từ bi gọi là Phật tánh, Bồ-tát do đây mà khác Hai thừa. Sinh phước là lợi ích. Sinh lạc là an vui, nhưng trộm của cải của người làm cho họ buồn khổ nên trái với lợi ích, duyên giết người cũng trái với an vui. Như Tri luận bài tụng thứ mười ba trong chép:

*Tất cả các chúng sinh  
Ăn mặc tự nuôi sống  
Nếu cướp lấy giết lấy  
Chính là cướp mạng sống.*

### **3. Giới không có tâm từ hành dục**

Kinh chép: Nếu Phật tử, tự mình dâm dục cho đến Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di.

Giải thích : Phần đầu chế ý là sinh tử lao ngục, dâm là gông cùm



trói buộc hữu tình khó thoát ra được. Như Trí luận chép: Dâm dục tuy không không xúc não chúng sinh, nhưng vì trói buộc tâm nên xếp vào tội lớn Luận Du-già chép: Trong các ái, dục ái là hơn hết. Nếu dứt dục ái kia thì các dục khác tự nhiên được hàng phục. Như chế sức mạnh yếu, là tự hàng phục, nhưng pháp dục này có ba lỗi, khổ mà dường như vui. Ít vui nhiều tai họa, bất tịnh dường như tịnh, đầu tiên có trì tụng rằng:

*Không nhẫn bệnh phiền não  
Hành dâm dường sinh vui  
Giống như bệnh ghẻ ngứa  
Đối khổ tưởng là vui  
Như người bị bệnh ghẻ,  
Cho khổ là niềm vui.*

Vui do dục sinh vui nên biết cũng như vậy. Người đã lìa được dục thì thấy dục là khổ, như người không bị bệnh ghẻ thì cái vui của ghẻ là khổ, nhưng tánh của các dục trần luống dối, lửa gạt chúng sinh thường sinh cái thiêu đốt. Như Đức Thế tôn dạy: Dục như xương khô, cho đến cũng như quả chín trên ngọn cây vì như xương răng nên khiến không có lúc nào được no, vì như khúc thịt chẳng nhất định thuộc về chủ, “Vì như đuốc cỏ nên lo lửa thường thiêu đốt, vì như hầm lửa nên thêm lớn khát ái, vì như rắn mãng xà nên bậc Hiền Thánh phải xa lánh, vì như giặc mộng nên mau đến chỗ hoại diệt, vì như mượn các đồ trang nghiêm nên dựa vào các duyên, vì như quả chín nên sẽ rơi xuống đất. Như thế mà quán khổ dường như vui, vì sao nói các dục ít vui mà nhiều tai họa. Tụng rằng:

*Giống như la sát nữ  
Kẻ thù dối làm thân  
Tâm dối sinh nghiệp ác  
Vời khổ chướng Niết Bàn.*

Như la sát nữ, kết giao với mình rồi ăn thịt, cũng như kẻ thù dối làm người thân để làm hại, kẻ thù năm dục cũng như vậy, thiêu đốt tâm mê loạn, có hại đến tuệ mạng, vờ lấy vô lượng khổ, chướng an vui Niết-bàn. Như kinh Bồ-tát Tạng quyển mười chép: khi có thói quen gần dục thì không có điều ác nào không làm, khi bị quả kia thì không có khổ nào không gánh chịu, sông ái biển dục mênh mông không bờ mé, sóng sinh tử về mãi không dứt, tất cả oán hại đều từ dục sinh ra, người ngu tham dục như con thiêu thân gieo mình vào lửa. Năm trăm vị tiên bay trên hư không bị mất thần thông mà rơi xuống đất, một cánh cửa vị tiên bị người nữ nắm. Vì thế luật chép: Cái đáng sợ không gì hơn người nữ,

thà đưa nam cắn vào miệng rắn độc, rắn độc hại chỉ thân xác thịt, còn người nữ làm hại cả pháp thân. Lại như Long Thọ nói: Khéo quán sát ý người, người nữ là trí, không xem xét được mắt, chỉ lấy dục làm thân, gió mát còn nắm bắt được, tâm người nữ khó được định, không có lúc nào thoả mãn, cảm sinh vô cùng. Thương xót đê mê dài sinh tử lìa xa sáu đường, đó gọi là các dục ít vui, nhiều tai họa. Vì sao nói dục trần bất tịnh mà dường như tịnh? Tụng rằng:

*Thân xác thịt bất tịnh*

*Dường tịnh đối người ngu*

*Lạc ướ, không nhàm chán*

*Như heo thích bùn dơ.*

Thân này bất tịnh do chứa nhóm xương cốt mà thành, máu thịt tiểu tiện như ướ bao bọc lớp da mỏng bên ngoài, tám muôn giòi tửa mỗi thứ có chín ức con, tất cả hôi thối tiết ra chín lỗ, bất tịnh mà dường như tịnh nghĩa là trong lớp da phần mở trắng, máu nóng xen nhau, lừa dối nịnh dùa mỗi thứ thiêu hại, nhưng những người ngu thường không nhàm chán, giống như con heo suốt ngày không lìa khỏi vũng bùn dơ, cho nên nay chế, vâng giữ chớ phạm.

Thứ hai là giải thích văn. Tướng môn trái phạm, như kinh chép, tự mình dâm dục, cho đến không được cố dâm. Trong pháp Thanh Văn, tự mình dâm dục mới phạm tội nặng, nay giới Bồ-tát nói, xúi người dâm dục cũng phạm tội nặng. Như Tiểu thừa cho rằng, tự làm mới thành nghiệp đạo, trong giáo pháp Đại thừa môi giới cho người cũng thành nghiệp đạo, chế chung hai chúng là nói tất cả người nữ. theo sự thật thì tại gia chỉ ngăn việc tà dâm, chẳng những chướng đạo mà còn vào lấy quả đường ác. Thế nào là tà hạnh? Như Du-già chép: không được hành dâm với tất cả người nữ, nếu chỗ được hành dâm mà phi chi, phi thời, phi xứ, phi lượng, hoặc không đúng lý ra phải tất cả người nam và không phải người nam, mẹ, v.v... gọi là chỗ không được hành dâm, ngoại trừ cửa sinh sản, đều gọi là phi chi. Hoặc chỗ như bản khi thai tròn đủ, khi trẻ bú sữa, khi thọ trai giới, hoặc khi bị bệnh, nghĩa là bị bệnh không được dâm, ấy gọi là phi thời. Nếu tôn trọng các chỗ nhóm họp, hoặc trong linh miếu, hoặc trước mặt chỗ đông người, hoặc vùng cao thấp không bằng phẳng, những nơi này là phi xứ. Nếu quá năm lần gọi là phi lượng, không theo lễ thế tục gọi là phi lý, tại gia trừ những điều này ra nên tự phân hành, tuy chẳng phải vợ mình hoặc không có sở thuộc. Tại gia thấy lợi cũng được hành dâm. Như Bồ-tát Địa chép: Bồ-tát tại gia thấy có mẫu ấp hiện nhưng không hệ thuộc quen pháp dâm dục, sau đó tâm

Bồ-tát tìm phi phạm hạnh. Bồ-tát thấy rồi khởi tâm nghĩ rằng chớ để cho người kia tức giận mà tổn phước, hoặc tùy dục của họ thì được tự tại, phương tiện an xứ gieo trồng gốc lành, bỏ pháp ác trụ tâm thương xót làm việc phi phạm hạnh. Tuy quen với pháp uest nhiệm như thế, mà không trái phạm, còn sinh ra nhiều công đức. Xuất gia thì không phải như thế, vì hộ Thanh Văn . Nói tánh trái phạm là như kinh chép. Nhân dâm dục, duyên dâm dục, cách thức dâm dục, nghiệp dâm dục, còn nương theo tướng thô chế ra nghiệp ban đầu. Nếu theo xuất thế thì kinh Niết-bàn chép: Tuy không giao hội với người nữ nhưng cách thành cách vách xa mà nghe tiếng khua cửa anh lạc người nữ, tâm sinh yêu đắm thành dục phá giới. Kinh Ưu-Bà-tắc-Giới chép: Nếu Bồ-tát nghĩ đến anh lạc trên thân người nữ, v.v... đều phạm tội Ba-la-di. Nên biết đây đều chế theo địa thượng. Như kinh Văn-thù Vấn chép: Giới xuất thế của Bồ-tát, nếu tâm phân biệt tướng nam nữ chẳng phải nam nữ thì Bồ-tát ấy phạm tội Ba-la-di.

Cảnh giới sự môn như kinh chép: cho đến súc sinh cái, và hành dâm phi đạo. Nữ có ba, nam có hai, đó là cảnh, vì hành dâm chỗ khác nên không phạm nặng , nói các vị trời là Ma nữ, v.v... hoá thân thành người nữ dâm dục với Tỳ-kheo. Nói phi đạo, sư Pháp Tạng Giải thích : Trừ cửa sinh sản của người nữ, còn hai nơi khác là phi đạo. Sư Nghĩa Tịch Giải thích : Trừ ba chỗ quan trọng, chi phần khác là phi đạo. Nếu theo văn luật thì đối với đạo nghĩ là đạo, đối với đạo nghĩ là chẳng phải đạo, cho đến nghi đều kết thành tội nặng . Nếu nhập vào cảnh bằng đầu sợ lông liền thành rớt ráo. Nếu bị kẻ thù bắt buộc thì khai cho hợp cảnh nhưng cấm không được thọ vui. Nay giới Bồ-tát tuy không ưa dục nhưng bị phiền não áp chế sinh ưa thích thì không phạm. Nói môn kết thành tội, như kinh chép: mà Bồ-tát cho đến phạm tội Ba-la-di, vì đối chánh mà kết tội. Tịnh pháp cho người: là Bồ-tát nên bố thí pháp môn lia dục cho chúng sinh để độ họ thoát khổ sinh tử.

#### ***4. Giới không được nói dối.***

Kinh chép: Nếu Phật tử, tự mình nói dối cho đến Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di.

Giải thích ý lúc mới chế giới là: Phẩm mười lăm trong Trí luận chép ;Người nói dối trước là tự lừa dối mình, sau mới lừa dối người, lấy thật làm giả, lấy giả làm thật, thật giả điên đảo, không được pháp lành, thí như chiếc bình lật úp không rót nước vào được. Như Đức Thế tôn dạy, nói dối che lấp tâm đạo, nước không vào được. Còn người nói lời

chân thật, tâm họ ngay thẳng dễ xa lìa bỏ được pháp ác, thí như rừng cây ngay thẳng thì dễ ra. Như Luận Du-già chép: Đã phạm học xứ, lại tu chi hành, nghĩa là lìa nói dối, nói dối trái đây, đã chướng pháp lành còn điên đảo rơi vào đường ác, sau sinh làm người thường bị chê bai, vì có lỗi nặng. Kế là chế nghiệp thân, trong văn giải thích thứ hai phần đầu tướng phạm là, như kinh chép tự mình nói dối cho đến phương tiện nói dối, nói phương tiện là giả nhờ việc khác khiến người hiểu khác. Môn tánh phạm, như kinh chép từ nhân nói dối đến duyên nói dối hỏi đáp trong đây giống như Đại luận ghi. Môn Cảnh giới sự là như kinh chép: cho đến không thấy nói thấy, cho đến thân tâm nói dối, vì phân biệt Thanh Văn chỉ có nói dối nên nói cho đến. Hoặc trong bốn lời nói thấy, nghe, v.v... cả ba điều còn lại. Thân nói dối là miệng không nói mà tay ra dấu. Tâm nói dối là tưởng điên đảo, v.v... như việc không thấy mà nghĩ là thấy, nói dối là không thấy, tuy đúng với sự thật nhưng vì che lấp sở tri, đây gọi là dùng tâm nói dối. Lại như kinh Văn-thù Vấn phẩm giới xuất thế gian trong chép: Nếu khởi tâm nói dối phạm tội Ba-la-di. Môn kết thành tội, như kinh chép: Mà Bồ-tát, cho đến tội Ba-la-di: Bồ-tát thường tự thực hành chánh ngữ cũng khuyên sinh chánh ngữ, vì phân biệt với nói dối nên nói là chánh ngữ, vì phân biệt phú tướng nên nói là chánh kiến. Mà trái lại tự khởi nói dối, vì chúng sinh tùy tiện nói nên sinh tà ngữ, vì họ cho là thật nên nói tà kiến. Vì theo tâm này nói có sự tạo tác nên nói sinh tà nghiệp. Nếu vì cứu thoát nhiều hữu tình nên phú tướng chánh tri mà nói là nói dối. Luận Du-già chép: Không có trái phạm sinh nhiều công đức, nếu không như vậy mà nói dối thì phạm tội Tha thẳng xứ.

##### **5. Giới Bán Rượu sinh ra tội lỗi:**

Kinh chép: Nếu Phật tử, tự mình bán rượu, cho đến Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di

Giải thích : Chế ý đầu tiên là đam mê rượu chè buông lung, sau chắc chắn hối hận vì mất chánh niệm và trái với bản tâm, làm việc không nên làm, nói lời không nên nói, gây ra nhiều tội ác. Cấm không cho người làm, ở đây không chung giới, hoặc đối với năm giới. Nay chế giới không được bán rượu thứ năm, ngoài ra như đã giảng ở phần trước, đủ duyên thành phạm. Dục lạc là đưa rượu cho người uống với tâm cầu lợi, rượu đã thuộc về người kia tức là rót ráo. Trong sự nói là rượu nhân duyên khởi tội, chỉ trừ phá tăng, còn các pháp tội ác khác đều khởi.

### 6. Giới rao lỗi của bốn chúng.

Kinh chép: Nếu Phật tử, tự miệng rao nói tội lỗi, cho đến Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di.

Giải thích : Sơ chế ý là nói lỗi trong Phật pháp sẽ làm hỏng tâm kính tin của người, và làm hư mất việc hưng pháp lợi sinh của Bồ-tát, hưởng lại với lấy quả khổ lớn, cho nên chế là pháp tha Thắng xứ. Như kinh Chánh Pháp Niệm xứ chép: đọa vào địa ngục Bạt Thiết bị trâu cày lưỡi, v.v... luận Đại Trí chép : Tỳ-kheo Thắng Ý giữ giới thanh tịnh nghe Tỳ-kheo Hỷ căn không giữ giới nói kệ, dâm dục tức là đọa, nhưế si cũng vậy, liền sinh tâm chê bai, bị đọa vào địa ngục. Lại, kinh Bất Tư Nghì Quang Bồ-tát chép: Bồ-tát Nhiều Tài, vì nói lỗi của Bồ-tát Hiền Thiên nên suốt chín mươi một kiếp thường đọa vào bụng dâm nữ, sinh rồi đem bỏ, bị cáo sói ăn thịt, cho đến nói rộng. Thứ hai là giải thích văn. Về tướng phạm, như kinh chép: Miệng tự rao nói, cho đến bảo người rao nói tội lỗi, nay trong giới này, môn đầu gồm nhiếp cả môn Cảnh giới sự. Trong đây hai môn đầu là thọ giới Bồ-tát, hai môn sau là thọ giới Thanh Văn, đều là nội chúng vì là thầy trời người, nếu thật có phạm, nói lỗi là lỗi gì? Vì vẫn có nghĩa xứng đáng làm ruộng phước. Như kinh Bản Nghiệp chép: có mà phạm còn hơn mà chẳng có mà không thể không phạm, có phạm là Bồ-tát, không phạm là ngoại đạo. Lại Mười luân chép: Hoa chiêm-Bạc tuy khô héo nhưng vẫn đẹp hơn các loài hoa khác, các Tỳ kheo phá giới vẫn hơn các ngoại đạo. Nói lỗi của người xuất gia, hoặc phá giới, hoặc giữ giới, hoặc có giới, hoặc không giới, hoặc có lỗi, hoặc không lỗi, sẽ bị lỗi làm chảy máu muôn ức thân Phật. Giải thích : Ra máu không thể chường đọa, khi nói lỗi của tăng, làm mất lòng tin của nhiều người sinh phiền não cho họ, làm chường Thánh đọa. Cho nên Bồ-tát ưa tìm đức của tăng, không thích tìm lỗi của họ. Người tìm lỗi thì dù bậc Thánh cũng có lỗi để chấp. Người tìm đức công dù dứt mất gốc lành, thân có công đức cũng đáng ghi chép. Như kinh Niết Bàn chép : Nếu chúng sinh kia không có pháp lành đáng khen thì nên nghĩ đến tánh Phật mà khen ngợi họ. Thế gian không có phạm phu nào không có lỗi, khi rao nói lỗi người thì lỗi ấy ở ngay thân mình. Như trong Tân Phát Bồ-tát Mười lục Hạnh của kinh Đại Tập chép: Không nói công Đức của mình mà khởi tâm cao ngạo, không rao nói lỗi người mà khởi tâm chê trách, kinh Chư Pháp Vô Hành có bài tụng rằng:

*Nếu thấy người phá giới*

*Không nói lỗi ác họ*

*Nên phải nghĩ người kia*

*Lâu ngày cũng đắc đạo*

Về kết thành tội, như kinh chép: Mà Bồ-tát cho đến phạm tội Ba-la-di là . Nói về thường khởi tâm từ bi, như trong Bồ-tát Địa chép: Thương xót người ác hơn cả người có chánh hạnh. Lại chép: Nếu ghét người phạm giới hạnh không lợi ích, ấy gọi là công đức tương tợ Bồ-tát. Nên nói khởi tâm từ bi giáo hoá những kẻ ác.

Hỏi: Giới khinh bậc hạ chép: Nói bảy tội nghịch, mười giới trọng, sao đây là nặng mà kia là nhẹ?

Đáp: Vì kia nói với người đồng pháp nên tội nhẹ, ở đây nói với người đạo cho nên tội nặng . Hoặc nói kia vô sự nên không thể bị tội, ở đây vì nói có thật phạm nên chế tội nặng .

**7. Giới Tự Khen Mình Chê Người.**

Kinh chép: Nếu Phật tử tự khen mình chê người, cho đến Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di.

Giải thích : Sơ chế ý là, khổng Tử Giải thích : ta có một lời, có thể thực hành suốt đời là “cái mà mình không muốn, chớ đem đến cho người” Giới này cũng vậy, tuy nói khen chê nhưng nghĩa chung cho tất cả. Bồ-tát làm nhiều lợi ích cho hữu tình, nên phát nguyện lớn Vô thượng Bồ-đề, thế ở trong sinh tử chịu vô lượng khổ, mà trái lại đem điều ác đến cho người, làm hỏng mất Đại thừa, cho nên vẫn chế là căn bản trọng. Thứ hai là giải thích tương trái phạm trong văn như kinh chép: Tự khen mình chê người, phải có khen chê nên mới kết tội nặng , chỉ khen, riêng chê riêng thì bị hai tội khinh. Còn ở lúc khác chỉ lấy bốn tiền, bốn câu còn lại v.v... như Tông yếu ghi: về tánh trái phạm, như kinh nói nhân chê người cho đến duyên chê người. Lần trước là tùy tướng nhiếp ly gián thô ỷ ngữ này, đây là tùy ứng rất ráo nên biết. Nói đối tuy cấm chung trước đây đã nên lược không có môn Cảnh giới sự thứ ba. Nhưng luận Du-già chép: vì muốn tham cầu lợi dưỡng cung kính nên tự khen mình chê người, ấy gọi là pháp tha thắng xứ bậc nhất, đây là phần nhiều do tham rất ráo. Nếu không sở đắc, chỉ do ganh ghét vì sân rất ráo. Môn thứ tư như trong kinh chép: Mà Bồ-tát, cho đến phạm tội Ba-la-di. Bản nguyện của Bồ-tát là lấy lợi tha làm tâm, khen tốt chê xấu, hỏng mất Đại thừa, hoặc khi người không có đạo đức chê bai Bồ-tát, vì sao đem việc tốt xấu cho người, là nghĩ rằng người kia làm việc này khiến bền chắc giới của ta, ta lẽ nào không nhẫn ác ở thân mình.

**8. Giới Bỏ Sẻn lại Mắng Đuổi.**

Kinh chép: Nếu Phật tử tự mình bỏn sẻn, cho đến Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di

Giải thích : Chế ý đầu tiên là bản nguyện của Bồ-tát vì cõi hữu tình mà giữ lại thân trong sinh tử, thân Bồ-tát hoàn toàn thuộc về chúng sinh, hống chi của cải chẳng phải sở hữu của mình cho, nên bỏn sẻn làm chướng ngại bố thí, phá muôn hạnh sâu xa, ý rộng chê sáu độ, vì thế vẫn chế là căn bản tội nặng, sở thích của Bồ-tát thường là cầu bố thí rộng khắp, vì tham không trái lẫm nên kết thành tội khinh. Trong giải thích văn chép Bồ-tát thấy tất cả người nghèo cùng đến xin, Bồ-tát Địa chép: Thấy có thắng lợi mà đến xin mới nên thí cho, vì muốn dùng của cải nhiếp đi, để hoá đạo. Nếu không có lợi ích, thì dù có an vui cũng không nên thí cho, vì sao? Vì lúc bố thí cho họ tuy tạm thời làm cho họ đối với Bồ-tát sinh tâm vui mừng, sau đó khiến họ làm các việc không lợi ích, gọi là nhân thí, giúp cho họ phần nhiều làm việc ác kiêu mạn, buông lung thì khi chết đều rơi vào đường ác, các câu trong đây như câu bảy mươi lăm lược nhiếp tụng rằng:

*Nếu lợi tài pháp người  
Không nên pháp mình suy  
Nếu mình chỉ suy vật  
Tài pháp người đầy đủ.*

Nói cần gì người, tất cả đều cung cấp cho họ. Câu bảy mươi bốn chép: Nếu người nghèo thiếu làm tội tổ cho mình. Hoặc người giàu có bậc trung tức là đối với kia và người nghèo khổ, hoặc người rất giàu có thì đến chỗ kia, cũng đến xin ở chỗ khác, mỗi nơi đều khéo phân bố mà thực hành bố thí. Nay văn kinh này lại dựa theo phần thứ ba. Như Long Thọ nói : Thân tâm Bồ-tát như cây thuốc, lấy tất cả gốc thân, nhánh lá mà không phân biệt, do ta mà được lợi ích. Nếu ông có nhiều của cải nhưng kia được lợi ích thì tất cả điều bố thí là không đúng. Tụng rằng:

*Cha mẹ và thầy bạn  
Chưa cho, mình không được  
Đây cũng đối tất cả  
Hoàn toàn không nên làm.*

Bồ-tát Địa chép: Thân mạng cho đến chất độc, dao gậy, rượu, v.v... nhưng có nghĩa lợi, thì tất cả thí cho. Cha mẹ thầy bạn thì chắc chắn không được thí. Vì sao? Vì người có ân thường sinh kính trọng, không được tùy tiện mua bán. Nói chưa cho phép cũng có hai thứ: một là sở hữu của người, nghĩa là như luận chép: không được chiếm lấy của cải của cha mẹ, vợ con, tôi tớ, để bố thí, việc làm có tội phước, vì nhiếp



công đức tương tự của Bồ-tát, hai là sở hữu của mình như luận chép: Nếu không dùng lời chân chánh dẫn dắt giúp cho họ vui vẻ trước thì không bao giờ được ép buộc khiến họ buồn rầu mà thí cho người đến xin. Tuy là dắt dẫn khiến họ sinh tâm vui vẻ nhưng không bố thí cho kẻ thù và người ác, không dùng dáng vẻ yếu điệu của vợ con nam nữ bố thí cho người đến xin đem về làm tội tở. Ý này là rõ ràng, ở đây cũng là sự thương xót chúng sinh bình đẳng, không được làm người kia vui mà giúp cho người này sinh khổ. Nếu ông Giải thích tại sao Thái Tử Tu-Đạt-Noa bắt buộc nam nữ thí cho Bà-la-môn? Vì kia cũng dẫn dắt, nghĩa là như kia Giải thích : hai đứa trẻ bạch rằng. Con đời trước bị tội gì mà là hạt giống của vua lại phải làm tội tở, nay xin sám hối. Thái Tử bảo rằng: Thiên hạ ân ái điều phải chia lìa, tất cả điều vô thường, đâu có gì giữ gìn mãi được. Khi ta đắc đạo bình đẳng vô thượng sẽ độ người.

Hỏi: Nếu đã dẫn dắt rồi tại sao không chịu đi, như kinh ấy chép , Bà-la-môn đánh đập máu chảy đầm dề khắp đất, Thái tử rơi lệ thì đất ấy liền rung động?

Đáp: Hai đứa trẻ kia chẳng phải không chịu làm tội tở, chỉ đợi từ biệt mẹ. Như nói, mẹ đến không thấy ta, sẽ như bò mẹ mất bê con, hướng về mọi phía than khóc suốt ngày. Nói mình không thể là nếu thấy do bố thí mà lui sụt hạnh Bồ-đề thì không nên bố thí, là hiểu rõ nghĩa này. Mười Giải nêu sự tích lui sụt tâm Bồ-đề của người Thu tử, chẳng phải phần tuệ thí, trái lại sinh tâm lui sụt. Như luận Mười Trụ chép: Người xuất gia nếu thực hành tài thí thì chương ngại pháp lành khác, chắc chắn sẽ nhiều việc, nên đối với người xuất gia khen ngợi pháp thí. Do đây, kinh Quyết Định Tỳ-ni chép : Bồ-tát tại gia nên thực hành hai thí, một là tài thí, hai là pháp thí. Bồ-tát xuất gia nên thực hành bốn thí, một là giấy, hai là mực, ba là bút, bốn là pháp, Bồ-tát đắc nhẫn nên thực hành ba thí: một là ngôi vua, hai là vợ con, ba là đầu mắt, da xương. Nhưng kinh Đại Tập chép: Bồ-tát mới phát tâm đối với thân mạng, của cải thường nghĩ đến xả, là muốn dần dần nhóm họp cho đến kham xả, như luận Mười Trụ. Khi người đến xin mà quá tiếc của nên tự khuyến dụ, tâm còn tham tiếc thì nên từ chối người xin rằng: Nay ta là người mới học, chưa thành tựu gốc lành, tâm chưa được tự tại, sau này sẽ cho ông. Nói có người cầu pháp một câu oai lực sẽ giúp cho vượt ra biển khổ luân hồi, vì thế pháp thí cao quý hơn tài thí. Như phẩm Du-già quyển bảy mươi một và kinh Kim Quang minh quyển hai có nói. Nhưng Bồ-tát Địa chép: Người không cầu thì không được bố thí cho họ, nói rộng pháp thí như kinh ấy nên biết. Nói “trái lại mắng nhiếc”, câu

này chung cho cả bốn sển tài và pháp ở trên. Bốn sển của cải lại còn mắng nhiếc, thì đoạ vào loài ngựa quỷ. Sển pháp với lấy quả mãi mãi sống trong cuồng loạn, làm chướng ngại đạo. Luận Du-già chép . Hiện có của cải, có người đến xin thì có tâm hiềm hận, tâm sân não không bố thí thì nhiễm phạm. Nếu uể oải buông lung thì chẳng nhiễm trái phạm, không trái phạm là: hoặc vật không thể bố thí, hoặc xin của cải không thích hợp, hoặc điều phục người xin, hoặc chỗ của vua kia không thích hợp, hoặc hộ tăng chế.

Hỏi: Vì sao kinh Đại Tập chép: Đối với thân mạng của cải thường nghĩ đến xả?

Tụng rằng:

*Vì thân cầu tài nên nhóm họp nhiều hạnh ác  
Sẽ trở về tử diệt không biết ân  
Của bỏ theo mạng nghiệp ác theo  
Khi chịu quả kia không cùng thọ*

### **9. Giới Không nhận người sám hối.**

Kinh chép: Nếu Phật tử, tự mình giận cho đến Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di.

Giải thích : Chế ý đầu tiên là điều chúng sinh không thích nhìn thấy chẳng gì hơn tức giận. Cho nên bất thiện sẽ với lấy quả khổ. Bồ-tát thế xả bỏ niết-bàn hai thừa chỉ vì thương xót cõi hữu tình, sân chướng đại bi là căn bản tội nặng . Như Đức Thế tôn dạy, các Bồ-tát này thường phạm những điều do sân khởi, chẳng phải do tham khởi. Luận giải thích nói mật ý trong đây, nghĩa là các Bồ-tát thương xót các hữu tình mà thêm sức mạnh. Hễ có sự tạo tác tất cả điều là việc làm của Bồ-tát, chẳng phải làm việc làm có thể hành phạm. Nếu các Bồ-tát ghét các hữu tình, ganh ghét với các hữu tình thì không thể tu hành hạnh tự lợi, lợi tha, việc làm các Bồ-tát đã không được làm, làm mà không được làm có thể thành phạm. Giải thích : Tham thật cũng phạm nên nói là mật ý, chẳng phải cho rằng sân thật phá tất cả, chớ cho là Bồ-tát có phạm vô dư, chỉ nêu tướng thô rõ ràng để chỉ bày nghĩa sâu xa vô dư. Tà kiến phẩm thượng chê bai khắp tất cả, bấy giờ làm sao còn sót lại giới hữu dư, mà chỉ phạm một tội Ba-la-di, nhưng chắc chắn sẽ đưa đến việc sinh tâm không đồng nhận. Thứ hai là giải thích văn. Tướng phạm, tánh phạm như trước nên biết. Nói “Mà Bồ-tát cho đến thường sinh tâm lòng từ bi là khuyên người khiến họ phát sinh gốc lành không tức giận, mình cũng phải thường sinh tâm đại bi, là đối với người ác khởi lên ba

điều suy nghĩ, một là nghĩ người kia tâm tánh họ vốn thanh tịnh, vì say rượu nên không biết dính mắc bởi ma phiến não, không biết mình có việc làm này, hai là nhớ bản nguyện, ta là chúng sinh thế chúng Bồ-đề, sinh tử là khổ lớn còn không sợ, huống chi khổ nhỏ này mà không chịu đựng, ba là nhớ ân kia, do nào hại mới thành tựu hạnh nhẫn, kia làm thành tựu tròn đầy hạnh Bồ-đề của ta, vì sao vừa trái ân lại sinh tức giận nào hại? Nói dùng lời ác mạ nhục cho đến vẫn còn không hết giận. Như lần lượt nói về nghiệp ngữ thân, ý, tuy đủ ba nghiệp, nay lấy ý tội, vì chỗ khởi sân phạm tội nặng, khi quyết định tội của ý này thì kết, do đó quyết định, không nhận sám hối: tuy chẳng phải chúng sinh không đến sám hối tạ tội, mà sân không chịu can ngăn vẫn thành tội nặng. Có thuyết cho rằng: Theo sự thật chỉ ở bên hữu tình, vì nhẹ so sánh nặng nên nói chẳng phải chúng sinh. Thuộc về pháp gì trong trăm pháp, tức là lấy phần làm thể. Như Du-già chép: Trưởng dưỡng chủng loại phần triển như thế, không chỉ phát khởi lời thô liên dứt, vì sân che lấp, lại dùng tay đánh đập, ưa phần hận, người đến xin lỗi tạ tội mà không chấp nhận, không bỏ oán kết gọi là Tha thắng xứ.

#### **10. Giới chê bai Tam Bảo.**

Kinh chép: Nếu Phật tử, tự mình chê bai Ba Bảo cho đến Bồ-tát này phạm tội Ba-la-di.

Giải thích : Chế ý đầu tiên là Ba Bảo Phật, Pháp, Tăng là bến lớn ra khỏi lưới tà, là cửa quan trọng vào chánh đạo, thuận theo Ba Bảo chắc chắn chứng thường lạc, trái lại thì thường chìm đắm trong biển khổ tà kiến, tội trái nghịch không gì lớn bằng vì hành tướng âm thầm mạnh mẽ dứt các gốc lành. Vì thế cũng lập thành căn bản tụng. Giải thích văn thì y theo phần trước nên biết. Nói như ba trăm cây giáo nhọn đâm vào tim mình, như Du-già phẩm thứ bảy mươi chín chép: Bồ-tát nên Giải thích ; thế nào là khổ, chúng sinh bị tổn não tức là mình khổ. Hoặc nên nói; lấy gì làm vui, chúng sinh lợi ích tức là mình vui. Cho đến nói rộng chúng sinh tổn não không gì hơn chê bai chánh pháp, vì thế Bồ-tát như bị giáo nhọn đâm vào tim, nhóm họp tâm không từ bi là lấy khổ của người làm vui, tập tâm từ là lấy lợi ích cho người làm vui, vui đã như vậy thì khổ cũng vậy. Nói huống chi là tự miệng mình chê bai, như luận Du-già chép: chê bai tụng Bồ-tát, ưa thích dựng lập chánh pháp tương tự, hoặc tự mình tin hiểu, hoặc do người chuyển, ấy gọi là pháp Tha thắng xứ thứ tư. Ở đây chung với tăng ích tổn giảm tà kiến, tà kiến này trôi buộc. Nếu khi quyết định, tuy chưa dứt mất gốc lành nhưng chắc

chấn cũng khởi tâm bất đồng phạm. Nên giới Bồ-tát không có xả đoạn thiện. Tà kiến có hai, nếu che bai toàn phần tất cả nhân quả hoặc không che bai pháp khác mà che bai Đại thừa, vẫn phạm tội nặng, hoặc cho đến triền phẩm thượng cũng mất tịnh giới. Tất cả phần nói trên đều là môn Thế tục. Thắng nghĩa môn tức là Ba luân thanh tịnh, như Tông yếu đã nói.

Kinh chép: Các Phật tử cần nên học cho đến nên nói rộng.

Giải thích: ở đây là kết thành môn thứ ba. Văn này có ba: một là khuyên không huỷ phạm, hai là bày phạm mất hoại, ba là chỉ rộng răn dạy người học, khuyên không huỷ phạm, như kinh chép: Các Phật tử cần nên học cho đến phạm mười giới, nói khéo học là phân biệt với các học bất thiện của ngoại đạo và cái học không rốt ráo của Hai thừa, như phẩm tám mươi chép: Lại Thanh Văn kia tuy được rốt ráo nhưng không cúng dường khen ngợi các vị Trời người kia, v.v như trụ tâm nghiệp, tu hạnh Bồ-tát. Ở đây Giải thích không được phạm một giới nhỏ như hạt bụi, là tuy lỗi nhỏ nhưng dồn chứa lâu ngày thành lớn. Như kinh có bài tụng rằng:

*Chớ khinh ác nhỏ  
Cho là không hại  
Giọt nước tuy nhỏ  
Lần đầy chum to*

Hoặc có người ngu phạm tội nhỏ, dù cho nhẹ như hạt bụi cũng không nên phạm. Như có bài tụng rằng:

*Người ngu tội nhẹ cũng đoạ ác  
Người trí tội nặng cũng thoát khổ  
Như hòn sắt nhỏ cũng bị chìm Dù  
bát sắt lớn cũng được nổi.*

Trí luận chép: Người có trí tuệ, tâm rộng rang như chiếc bát nổi được.

Hỏi: Biết mà cố làm là điều đáng trách ở thế gian, không bằng việc làm của kẻ cuồng, không có gì là, trí ngu gây tội cũng như vậy, vì sao trí là nhẹ, ngu là nặng? Đáp: Câu hỏi này không đúng, mình làm mình chịu, chẳng phải do người làm mà mình chịu, là như kẻ điên chạm vào lưỡi dao nên bị đứt tay, người trí tuy chạm nhau như tránh mũi dao nhọn nên không bị tổn, lại như căn phòng tối biết có cột nên chỉ đứng nhẹ, không biết có cột nên chạm mạnh thì bị lỗ đầu. Ngu trí gây ra tội tùy theo đạo lý cũng như vậy. Trong luận Mười Trụ chép: Người trí tạo tội như bỏ nắm muối xuống ao, trong luận ấy có bài tụng rằng:

*Chén muối bỏ ao lớn Vị nước không có  
khác  
Nếu bỏ vào bình nước nhỏ Mặn đắng không  
uống được.*

Thứ hai: Bày Phạm mất hoại, như kinh chép: Nếu có người phạm, cho đến phạm từng giới một. Trong đây nói nếu phạm thì hiện đời không được phát tâm Bồ-đề. Nếu phạm mười giới trọng, có bảy già nạn thì không thể thọ giới Bồ-tát, chỗ khác không phải như vậy. Du-già và Bản Nghiệp cho phép phạm tội nặng được thọ.

Hỏi: Phạm nặng mất giới tại sao kinh Bản Nghiệp Giải thích giới Bồ-tát có pháp thọ mà không có pháp xả, cho đến nói rộng?

Đáp: Ở đây có nhiều giải thích. Sư Nguyên Hiểu Giải thích : Nếu đối với giáo lý ba thừa mà phát tâm thì có mất, nếu nghe giáo lý Nhất thừa thì không bao giờ lui mất, nhưng tông giáo mới khó có thể nương định. Sư Nghĩa Tịch Giải thích : Công năng tuy mất nhưng thể của hạt giống thường còn. Du-già, Bản Nghiệp lần lượt nói khác, ở đây cũng khó hiểu. Hạt giống giới luật của Thanh Văn cũng thường lưu lại. Nay giải thích như Tông yếu. Nói cũng mất ngôi vua vv... rõ ràng vì mất nhân nên mất quả lợi, phải đoạ vào cõi ác đánh mất niềm tin ở thế gian và quả Hai thừa , hướng chỉ quả mầu ba thân, mười Thánh, ba Hiền của Đại thừa. Nói Phật tánh là pháp thân, vì thể tánh nên nói thường trụ là chung cho hai thân còn lại, như kế là tự tánh Vô Giác nối nhau thường hằng, không nghe tên cha mẹ Ba Bảo là nói lên thế gian và xuất thế gian không thể cứu, vẫn còn lại rất dễ hiểu.

Kinh Phạm Võng Cổ Tích Ký quyển hạ. (Phần đầu Hết)

